TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2023/DS – ST
Ngày: 19 – 7 – 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* thụ lý số 187/2023/TLST – DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2023/QĐXXST – DS ngày 01 tháng 6 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 260/2023/QĐST – DS ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ: số A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại điện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Trung Q, sinh năm 1968 là nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần S (theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2023).

2. Bị đơn: Bà Châu Ngọc Bích T, sinh năm 1996

Địa chỉ: số D, Khóm F, phường E, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, vắng mặt tất cả các đương sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S (sau đây được viết tắt là S), các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Trung Q trình bày:*

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 26/4/2018, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng của bà T, căn cứ vào thu nhập của bà T, S đồng ý cấp cho bà T thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã giao dịch 41.978.500 đồng. Bà T có thanh toán được 45.043.000 đồng. Đến ngày 31/07/2022, bà T không còn thực hiện trả nợ như cam kết. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên S khởi kiện yêu cầu bà T trả tổng số tiền tính đến ngày 16/04/2023, là 17.029.617 đồng (mười bảy triệu không trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm mười bảy đồng), trong đó có:

+ Dư nợ gốc: 12.367.287 đồng

+ Lãi: 4.662.330 đồng.

Yêu cầu bà T tiếp tục trả lãi, phí phát sinh từ ngày 17/4/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 117775250/04/2018/AG ngày 26/4/2018.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là phù hợp với Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn được triệu lần hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của bà T và được phía S đồng ý xác nhận cấp thẻ tín dụng ngày 26/4/2018, bảng kê lịch sử giao dịch, thanh toán cho thấy của bà T đã sử dụng thẻ tín dụng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong quá trình sử dụng thẻ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp giao dịch dân sự, cụ thể là hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Bị đơn có nơi thường trú hợp pháp tại thành phố X. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ông Trần Minh S1 là Giám đốc Ngân hàng TMCP S, chi nhánh An Giang được người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 3270/2022/QĐPL ngày 26/12/2022. Ngày 17/4/2023, ông S1 ủy quyền tham gia tố tụng cho cho ông Nguyễn Trung Q. Xét thấy, việc ủy quyền được thực hiện đúng trình tự, hình thức và nội dung ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng cư trú của Công an phường E là đủ cơ sở để xác định bà Châu Ngọc Bích T có nơi cư trú hợp pháp tại địa chỉ số D, Khóm F, phường E, thành phố X, tỉnh An Giang. Địa chỉ này cũng là địa chỉ được ghi nhận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 26/4/2018. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt trực tiếp, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của các Điều 177 và 179 của BLTTDS. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà T tiếp tục vắng mặt lần thứ 2, không có lý do. Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn có văn bản đề nghị được xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng điểm Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[4] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, S cung cấp bản photo có đối chiếu bản chính Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng (Áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) số 117775250/04/2018/AG ngày 26/4/2018 về việc bà T yêu cầu S được cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 10.000.000 đồng, bà T cam kết đồng ý với điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S. Do đó, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa S và bà T tự nguyện xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi theo quy định tại Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (viết tắt BLDS 2015).

[5] Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền và và lợi ích hợp pháp của bên cho vay. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 14, 16 Điều 4 và Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng, Điều 466 của BLDS 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, buộc bà T phải trả cho S tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/7/2023 là 18.540.855 đồng, trong đó có tiền vốn còn nợ là 12.367.287 đồng, tiền lãi quá hạn là 6.173.568 đồng; bà T có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng (Áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) số 117775250/04/2018/AG ngày 26/4/2018, kể từ ngày 20/7/2023 cho đến khi trả hết tiền còn nợ.

[6] <u>*Về án phí dân sự sơ thẩm*</u>:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP S được nhận lại (do Ngân hàng TMCP S, chi nhánh An Giang nhận thay) tiền tạm ứng án phí đã nộp là 426.000 (bốn trăm hai mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001700 ngày 28/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 927.000 (chín trăm hai mươi bảy nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng;

- Các Điều 40, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bị đơn là bà Châu Ngọc Bích T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (do Ngân hàng TMCP S, chi nhánh An Giang nhận thay) tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/7/2023 là 18.540.855 đồng (mười tám triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, tám trăm năm mươi lăm) đồng, trong đó có tiền vốn còn nợ là 12.367.287 đồng, tiền lãi quá hạn là 6.173.568 đồng.

Kể từ ngày 20/7/2023, bà T có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng (Áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) số 117775250/04/2018/AG ngày 26/4/2018 cho đến khi trả hết tiền còn nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP S được nhận lại (do Ngân hàng TMCP S, chi nhánh An Giang nhận thay) tiền tạm ứng án phí đã nộp là 426.000 (bốn trăm hai mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001700 ngày 28/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 927.000 (chín trăm hai mươi bảy nghìn) đồng.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích theo Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.LX
- Chi cục THADS TP. LX;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Phạm Xuân Khanh